

Mẫu số 07

Đề cương Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ  
quý...(năm...)

Tên cơ quan, đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

Điện Biên, ngày tháng năm 20....

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ quý...(năm...)

### I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

#### 1. Thuận lợi:

Nêu khái quát những điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

#### 2. Khó khăn:

Nêu khái quát những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUÝ (NĂM)

#### 1. Công tác Bảo dưỡng thường xuyên

Báo cáo tình hình thực hiện theo kế hoạch, kết quả đạt được

#### 2. Công tác sửa chữa định kỳ:

Báo cáo tình hình thực hiện theo kế hoạch, kết quả đạt được

#### 3. Công tác Sửa chữa đột xuất:

Báo cáo tình hình thực hiện (nếu có)

*(Có phụ lục báo cáo số liệu chi tiết kèm theo)*

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

### IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ (NĂM)

### V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

2. Đối với Sở GTVT

**PHỤ LỤC 01 - BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ**  
**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ HỆ THỐNG TỈNH LỘ NĂM.....TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG CUỐI QUÝ BÁO CÁO**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư	Giá trị được UBND giao kế hoạch	Kế hoạch vốn được Quỹ BTĐB tính giao tính đến thời điểm báo cáo	Giá trị theo Quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư	TMĐT được phê duyệt	Tình hình thực hiện			Tình hình giải ngân		Ghi chú
						Từ khi khởi công đến thời điểm báo cáo	Đạt tỷ lệ hoàn thành (So với TMĐT)	Đạt tỷ lệ hoàn thành (So với vốn được giao)	Từ khi khởi công đến thời điểm báo cáo	Đạt tỷ lệ hoàn thành (So với vốn được giao)	
	1	2	3	4	5	6	7=6/5	8=6/3	9	10=9/3	11
	Chủ đầu tư : .....										
<b>A</b>	<b>BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN</b>										
1	- Tỉnh lộ.....										
2	.....										
<b>B</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ</b>										
<b>B1</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>										
1	- Công trình....										
2	.....										
<b>B2</b>	<b>Công trình làm mới</b>										
1	- Công trình....										

2	....												
<b>C</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT</b>												
<b>C1</b>	<b>Công trình ĐBGT bước 1</b>												
1	- Công trình....												
2	....												
<b>C2</b>	<b>Công trình đột xuất</b>												
1	- Công trình....												
2	....												
<b>D</b>	<b>CHI KHÁC</b>												
1	....												
	<b>TỔNG CỘNG</b>												
<b>A</b>	<b>Bảo dưỡng thường xuyên</b>												
<b>B</b>	<b>Sửa chữa định kỳ</b>												
<b>C</b>	<b>Sửa chữa đột xuất</b>												
<b>D</b>	<b>Chi khác</b>												

PHỤ LỤC 02 - BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TIẾT CÔNG TÁC QLBT THEO KẾ HOẠCH NĂM .....- TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG CUỐI QUÝ BÁO CÁO

TT	Công trình	Khối lượng chủ yếu đã thực hiện được tính đến thời điểm báo cáo																	
		Sửa chữa mặt đường				Sửa chữa cầu					Cống		Rãnh		Hệ thống an toàn giao thông				Khối lượng khác
		Rải BTN (m2)	Lán g nhự a 3 lớp (m2)	Lán g nhự a 2 lớp (m2)	Lán g nhự a 1 lớp (m2)	Số cầu sửa chữa (cái)	Kh e co gĩa n (m)	Số kết cấu dầm sửa chữa (cái)	Sơn, sửa kết cấu thép (m2)	Mặt cầu (m2)	Sửa chữa (m)	Là m mới (m)	Sửa chữa (m)	Làm mới (m)	Hộ lan mềm, tôn sóng (m)	Cọc tiêu (cái)	Biển báo, gương cầu (cái)	Sơn vạch kẻ đường (m2)	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
	<b>TỔNG CỘNG</b>																		
<b>A</b>	<b>BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN</b>																		
1	- Đường tỉnh....																		
2	...																		
<b>B</b>	<b>Sửa chữa định kỳ</b>																		
<b>B1</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>																		
1	Công trình:....																		
<b>B2</b>	<b>Công trình làm mới</b>																		



1	Công trình:....																		
<b>C</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT</b>																		
<b>C1</b>	<b>Công trình ĐBGT bước 1</b>																		
1	- Công trình....																		
2	....																		
<b>C2</b>	<b>Công trình đột xuất</b>																		
1	- Công trình....																		
2	....																		
<b>D</b>	<b>CHI KHÁC</b>																		
1	....																		

**Ghi chú**

- Khối lượng được phê duyệt ghi theo hồ sơ TKBVTC-DT hoặc Hồ sơ BCKTKT đã được phê duyệt (nếu DA được phê duyệt điều chỉnh thì ghi theo số liệu đã được phê duyệt điều chỉnh)

**PHỤ LỤC 03 - BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM**  
**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ QUỸ ĐỊA PHƯƠNG NĂM .....**

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Công trình/dự án	Số QĐ phê duyet BCKTK T (ngày ...tháng.. năm)	Giá trị hợp đồng gói thầu Xây lắp	Thời gian thực hiện HĐX D (tháng g)	Kinh phí giao trong năm				Giá trị dự toán công trình được duyet	Giá trị công trình hoàn thành			Giá trị CTH T đề nghị quyết toán trong năm	Giá trị CTH T đã QT lũy kê năm báo cáo	Giá trị CTHT chuyên năm sau QT	KHV còn dư cuối năm	Ghi chú
					Kinh phí năm trước chưa chi hết chuyển sang	QĐ (số .... Ngày ....tháng g... Năm...) lần 01	QĐ (số .... Ngày ....tháng g... Năm...) lần .....	Cộng		Giá trị CTHT năm trước còn nợ chuyển năm nay	Giá trị CTHT năm nay	Cộ ng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=6+ 7+8	10	11	12	13	14	15	16=13- 14	17=9- 13	18
A	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN																
1	- Tinh lộ....																
B	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ																
B 1	Công trình chuyên tiếp																
1	- Công trình....																
2	....																
B 2	Công trình làm mới																
1	- Công trình....																
2	....																

<b>C</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT</b>																		
<b>C 1</b>	<b>Công trình ĐBGT bước 1</b>																		
1	- Công trình....																		
2	....																		
<b>C 2</b>	<b>Công trình đột xuất</b>																		
1	- Công trình....																		
2	....																		
<b>D</b>	<b>CHI KHÁC</b>																		
1	....																		
	<b>TỔNG:</b>																		

**Ghi chú:**

**Biểu phụ lục 03:**

- Phân công theo QĐ số 09/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Ngày nhận báo cáo:**

- Trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

**Đơn vị báo cáo:**

- Chủ đầu tư (UBND huyện...)

**Đơn vị nhận báo cáo:**

- Sở GTVT Điện Biên

Mẫu số 08  
Đề cương Báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN

SỞ TÀI CHÍNH

Số: ...../BC-STC

Mẫu số 11/QTDA  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**

Năm .....

**1. Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	8
A	<b>Tổng cộng</b>						
	Nhóm B						
	Nhóm C						
B	<b>Chi tiết các đơn vị cấp dưới</b>						
B.1	<b>Tỉnh phê duyệt (Sở Tài chính)</b>						
	Nhóm B						
	Nhóm C						
B.2	<b>Huyện phê duyệt</b>						



	Nhóm C						
1	Phòng TC-KH thành phố Điện Biên Phủ						
	Nhóm C						
2	Phòng TC-KH huyện Điện Biên						
	Nhóm C						
3	Phòng TC-KH thị xã Mường Lay						
	Nhóm C						
4	Phòng TC-KH huyện Tuần Giáo						
	Nhóm C						
5	Phòng TC-KH huyện Mường Ảng						
	Nhóm C						
6	Phòng TC-KH huyện Mường Chà						
	Nhóm C						
7	Phòng TC-KH huyện Mường Nhé						
	Nhóm C						
8	Phòng TC-KH huyện Nậm Pồ						
	Nhóm C						
9	Phòng TC -KH huyện Điện Biên Đông						
	Nhóm C						
10	Phòng TC-KH huyện Tủa Chùa						
	Nhóm C						

**2. Các dự án chưa phê duyệt quyết toán**

**a. Dự án đã nộp báo cáo hồ sơ quyết toán**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Loại dự án	Dự án trong thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
<b>B</b>	<b>Chi tiết các đơn vị cấp dưới</b>										
<b>1</b>	<b>UBND tỉnh (Sở Tài chính)</b>										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
<b>2</b>	<b>Thành phố Điện Biên Phủ</b>										
	Nhóm C										
<b>3</b>	<b>Huyện Điện Biên</b>										
	Nhóm C										
<b>4</b>	<b>Huyện Điện Biên Đông</b>										
	Nhóm C										
<b>5</b>	<b>Huyện Mường Ảng</b>										
	Nhóm C										
<b>6</b>	<b>Huyện Tuần Giáo</b>										
	Nhóm C										
<b>7</b>	<b>Huyện Tuần Chà</b>										
	Nhóm C										
<b>8</b>	<b>Huyện Mường Chà</b>										
	Nhóm C										
<b>9</b>	<b>Huyện Mường Nhé</b>										

	Nhóm C												
10	Huyện Nậm Pồ												
	Nhóm C												
11	Thị xã Mường Lay												
	Nhóm C												

**b. Các dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Loại dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
<b>B</b>	<b>Chi tiết các đơn vị cấp dưới</b>										
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh (Sở Tài chính)</b>										
	Nhóm B										
	Nhóm C										
<b>2</b>	<b>Cấp huyện</b>										
	Nhóm C										
1	UBND TP Điện Biên Phủ										
2	UBND huyện Điện Biên										
3	UBND huyện Điện Biên Đông										
4	UBND huyện Mường Ảng										
5	UBND huyện Tuần Giáo										
6	UBND huyện Tủa Chùa										
7	UBND huyện Mường Chà										

8	UBND huyện Mường Nhé										
9	UBND huyện Nậm Pồ										
10	UBND thị xã Mường Lay										

**Người lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**



## Mẫu số 09

Đề cương báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm ....., triển khai nhiệm vụ năm ..... (hoặc báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm về công tác phòng chống thiên tai và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm)

### Các căn cứ để triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Điện Biên ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT – Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

Các văn bản chỉ đạo của cấp trên

### I. TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM (HOẶC 6 THÁNG ĐẦU NĂM)

1) Tóm tắt tình hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn, trong đó nêu rõ đã xuất hiện bao nhiêu đợt thiên tai, số lần xuất hiện của từng loại thiên tai.

2) Công tác chỉ huy ứng phó: Nêu rõ việc chỉ huy, triển khai phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả; kết quả đạt được.

3) Thống kê, đánh giá thiệt hại:

- Phần trình bày: Thống kê đánh giá các chỉ tiêu thiệt hại chính nếu có trong thời gian báo cáo định kỳ: về người, về nhà ở, về giáo dục, về y tế, về nông nghiệp, về thủy lợi, về giao thông, một số chỉ tiêu khác (nếu có) và ước tổng giá trị thiệt hại.

- Phần biểu: Thống kê theo biểu mẫu 01/TKTH và biểu mẫu 02/TKTH kèm theo và ước giá trị thiệt hại bằng tiền đối với các chỉ tiêu tính ra tiền.

4) Đánh giá về công tác phòng chống thiên tai.

- Những nội dung đã đạt được.

- Những nội dung còn tồn tại.

- Bài học kinh nghiệm.

### II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM TIẾP THEO (HOẶC 6 THÁNG CUỐI NĂM)

5) Công tác triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới: nêu những nhiệm vụ chủ yếu sẽ triển khai trong giai đoạn tới (06 tháng cuối năm, năm tiếp theo kỳ báo cáo).

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT (b/c);

- UBND tỉnh (b/c);

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c)

- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN

Hoặc  
TL. TRƯỞNG BAN  
CHÁNH VĂN PHÒNG

Mẫu số 10

**Đề cương Báo cáo Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động tỉnh Điện Biên đi sơ tuyển, đi làm việc tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh (3 tháng, 6 tháng, báo cáo năm)**

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

.....

### **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền vé xe cho người lao động tỉnh Điện Biên đi sơ tuyển, đi làm việc tại các doanh nghiệp ngoài tỉnh**

#### **I. Công tác tổ chức triển khai thực hiện**

1. Công tác chỉ đạo triển khai, hướng dẫn thực hiện.
2. Công tác thông tin, tuyên truyền.

#### **II. Kết quả thực hiện (tổng hợp theo Phụ lục kèm theo báo cáo này)**

#### **III. Những khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### **IV. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới**

#### **V. Kiến nghị, đề xuất**

1. Về cơ chế chính sách.
2. Về quy trình, thủ tục thực hiện chính sách.
3. Kiến nghị khác (nếu có)/.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (B/c);

- .....

- Lưu: VT, .....

**GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN VÉ XE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐI SƠ TUYỂN,  
ĐI LÀM VIỆC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI TỈNH QUÝ, 6 THÁNG, NĂM**

*(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-..... ngày...../...../..... của .....*

Số TT	Doanh nghiệp tuyển lao động	Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp đến thời điểm báo cáo (người)	Số lao động đi sơ tuyển trong 6 tháng đầu năm 2019 (người)		Số lao động đưa đi làm việc tại các doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 (người)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)						Ghi chú
			Tổng số	Số lao động trúng tuyển		Kinh phí thực hiện						
						Lao động đi sơ tuyển		Đi làm việc		Về nghỉ tết Nguyên đán		
						Số lao động	Số tiền hỗ trợ	Số lao động	Số tiền hỗ trợ	Số lao động	Số tiền hỗ trợ	
1												
2												
3												
...												
	<b>Tổng cộng</b>											



Mẫu số 11

**Đề cương Báo cáo Kết quả thực hiện công tác Lao động - Người có công và Xã hội (6 tháng, báo cáo năm)**

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỐ.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác Lao động - Người có công và Xã hội**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LAO ĐỘNG - NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**

**I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

**1. Thuận lợi:**

Những đặc điểm thuận lợi trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành; thuận lợi trong cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước.

**2. Khó khăn:**

Những khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

**II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

- Việc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực ngành được giao.

- Việc ban hành văn bản theo thẩm quyền.

- Công tác đôn đốc, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch do

UBND tỉnh giao.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Công tác Lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, tiền lương, bảo hiểm xã hội**

*1.1. Công tác Lao động, việc làm - an toàn lao động*

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

- Công tác lao động, giới thiệu tư vấn việc làm: Kết quả tổ chức các chương trình, kết quả thực hiện.

- Công tác quản lý lao động người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh: Việc chấp thuận vị trí công việc sử dụng lao động người nước ngoài và cấp giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài.



- *Công tác Bảo hiểm thất nghiệp*: Số người tham gia BHTN, số kinh phí giải quyết chế độ BHTN. Số người thất nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách BHTN, trong đó số % lao động làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh, số người nộp hồ sơ được tư vấn giới thiệu việc làm.

- *Công tác xuất khẩu lao động*: Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị tuyển chọn lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó chấp thuận cho doanh nghiệp; số doanh nghiệp không đủ điều kiện. Số hội nghị tập huấn.

- *Công tác an toàn lao động*: Kết quả thực hiện các công tác an toàn lao động trong năm.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về việc làm:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm về giải quyết, tạo việc làm, so sánh kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm trước.

## 2.2. Công tác Giáo dục nghề nghiệp

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu về đào tạo nghề:

## 2.3. Công tác Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội

a) Công tác hướng dẫn triển khai nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về BHXH:

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về lao động - tiền lương:

## 3. Công tác Thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng

## 4. Công tác Bảo trợ xã hội; giảm nghèo

### 4.1. Công tác Bảo trợ xã hội

a) Công tác triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện chính sách xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội:

### 4.2. Công tác giảm nghèo

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả thực hiện:

## 5. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

### 5.1. Công tác cai nghiện phục hồi

a) Công tác triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:

b) Kết quả công tác cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế:

### 5.2. Công tác phòng, chống mại dâm

### 5.3. Công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

## 6. Công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

### 6.1. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

a) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ:

- b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em:
- c) Công tác xây dựng, vận động và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em

#### 6.2. Công tác Bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ của phụ nữ

### 7. Công tác Thanh tra, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng

#### 7.1. Công tác thanh tra

#### 7.2 Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư tố cáo

### 8. Công tác Tài chính - Kế toán

### 9. Công tác Tổ chức, Đào tạo bồi dưỡng, Thi đua khen thưởng, CCHC nhà nước, phổ biến giáo dục pháp luật.

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được

### 2. Tồn tại hạn chế và kiến nghị

#### 2.1. Tồn tại, hạn chế:

#### 2.2. Kiến nghị: Đối với các cơ quan chức năng.

## Phần thứ hai

# MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LAO ĐỘNG - NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI

## I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Mục tiêu thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội

## II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giải quyết việc làm mới.
2. Tuyển sinh đào tạo nghề: Cao đẳng nghề, Sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 3 tháng.
3. Bảo hiểm xã hội.
4. Công tác Bảo trợ xã hội.
5. Công tác giảm nghèo.
6. Công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.
7. Công tác Thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng.
8. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1. Nhiệm vụ.

### 2. Giải pháp tổ chức thực

#### 2.1. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng

#### 2.2. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ của ngành

- a) Giải pháp chủ yếu về công tác giảm nghèo nhanh và bền vững
- b) Giải pháp về thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội
- c) Giải pháp về giải quyết việc làm, giáo dục nghề nghiệp

- Về giải quyết việc làm:

- Về Giáo dục nghề nghiệp:

d) Về công tác cai nghiện ma túy

e) Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em

f) Về công tác thanh tra, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng

g) Công tác Bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ

h) Về công tác Kế hoạch, tài chính

i) Về công tác tổ chức, tổng hợp, cải cách thủ tục hành chính

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

*Nơi nhận:*

- Bộ LĐ-TBXH

- TT. Tỉnh uỷ;

- TT. HĐND tỉnh; B/c

- UBND tỉnh;

- Sở KH&ĐT;

- Cục Thống kê tỉnh;

- TT. Khối VHXH (.....);

- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**



Mẫu số 12

Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết số 30A/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo năm)

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỐ.....

ỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

Điện Biên, ngày tháng năm

**BÁO CÁO**

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu theo Nghị quyết số 30A/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Đặc điểm tình hình**

Điều kiện tự nhiên, đơn vị hành chính, xã đặc biệt khó khăn, dân số, dân tộc, thu nhập bình quân, tỷ lệ hộ nghèo ...

**2. Thuận lợi, khó khăn**

2.1. Thuận lợi

2.2. Khó khăn

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai, quán triệt thực hiện Nghị quyết trên địa bàn, công tác ban hành chính sách đặc thù của địa phương để hỗ trợ các huyện đạt mục tiêu đề ra theo Nghị quyết 30a

2. Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp

3. Sự phối hợp, vai trò của thành viên ban chỉ đạo trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và việc tham gia góp ý, cung cấp số liệu xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 30a tại các huyện nghèo

4. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành

5. Công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách

6. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ

**II. NGUỒN LỰC ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Tổng ngân sách thực hiện (Vốn sự nghiệp, vốn đầu tư)

1. Ngân sách Trung ương bố trí trực tiếp để thực hiện chương trình 30a trên địa bàn

2. Ngân sách địa phương

3. Vốn hỗ trợ của các Tập đoàn, Tổng Công ty, doanh nghiệp, cộng đồng và đoàn thể đối với huyện nghèo



4. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án giảm nghèo khác đã và đang thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập

a) Hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ rừng

b) Hỗ trợ sản xuất

c) Hỗ trợ chăn nuôi

d) Vay vốn tín dụng ưu đãi

e) Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, lâm, ngư

f) Chính sách xuất khẩu lao động

g) Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm; thông tin thị trường cho người dân

h) Các nội dung hỗ trợ khác

2. Kết quả thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí

3. Kết quả thực hiện chính sách tăng cường, thu hút cán bộ, tri thức trẻ đối với các huyện nghèo.

4. Kết quả thực hiện chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở thôn, bản, xã và huyện.

*(Kèm theo biểu mẫu 01, 02 kèm theo)*

### **IV. ĐÁNH GIÁ**

1. Đánh giá chung những kết quả đạt được.

1.1. Đánh giá chung.

1.2. Đánh giá kết quả mục tiêu theo Nghị quyết, theo Đề án của huyện..

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân.

3.1. Nguyên nhân chủ quan.

3.2. Nguyên nhân khách quan.

### **V. MỤC TIÊU PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ**

1. Mục tiêu.

2. Nhiệm vụ.

3. Các giải pháp thực hiện.

### **VI. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

1. Đối với Quốc hội, chính phủ và các Bộ ngành Trung ương.

2. Kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

3. Kiến nghị với các sở ngành, đơn vị.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (B/c);

- .....

- Lưu: VT, .....

**GIÁM ĐỐC**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA .....**  
(Lũy kế từ thời điểm bắt đầu được hỗ trợ đến thời điểm báo cáo)

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư duyệt		Lũy kế kế hoạch vốn đầu tư đến ...		Lũy kế GTKL thực hiện đến hết ...		Lũy kế giải ngân đến hết .....		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	Tổng số	Trong đó: Vốn 30a	
-	<b><u>TỔNG SỐ</u></b>											
	Hỗ trợ SX											
	Đầu tư CSHT											
-	<b><u>Huyện .....</u></b>											
A	<b>Hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập</b>											
B	<b>Đầu tư Cơ sở hạ tầng</b>											
I	<b>Nhóm dự án Giao thông</b>											
1	Công trình											
2	Công trình											
	.....											
II	<b>Nhóm dự án Thủy lợi</b>											
1	Công trình											
2	Công trình											
	.....											
III	<b>Nhóm dự án</b>											

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG THEO NGHỊ QUYẾT 30A/NQ-CP**

*Biểu mẫu số 2*

Stt	Nội dung	Đơn vị	Kết quả giai thực hiện (Kết quả thực hiện 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, BC năm)	Ghi chú
1	2	3	4	
	<b>Tổng nguồn vốn thực hiện</b>			
	<b>1. Nguồn vốn 30a</b>			
	<b>1.1 Vốn Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>	Tr. đồng		
	a) PTSX	Tr. đồng		
	b) Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr. đồng		
	<b>1.2. Vốn sự nghiệp</b>	Tr. đồng		
	a) Vốn duy tu bảo dưỡng	Tr. đồng		
	b) Vốn giao khoán bảo vệ rừng	Tr. đồng		
	a) Vốn thực hiện Chính sách HTSX	Tr. đồng		
	b) Vốn thực xuất khẩu lao động	Tr. đồng		
	c) Vốn khác	Tr. đồng		
	<b>1.3. Vốn Chương trình giảm nghèo khác</b>	Tr. đồng		
	a) Vốn 135 (đầu tư các công trình cấp xã, thôn bản ĐBKK)	Tr. đồng		
	b) .....	Tr. đồng		
	<b>1.4. Vốn khác</b>	Tr. đồng		
	a) ....	Tr. đồng		
	b) ....	Tr. đồng		
<b>I.</b>	<b>Hỗ trợ SX, tạo VL, tăng thu nhập</b>	Tr. đồng		
<b>1.</b>	<b>Chính sách phát triển rừng</b>			
	a. Khoán khoán nuôi, bảo vệ rừng			



	+ Số hộ nhận giao khoán	Hộ		
	+ Diện tích rừng giao khoán	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>b. Hỗ trợ lần đầu giống cây trồng rừng sản xuất (02-05 triệu đồng/ha)</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích rừng trồng rừng sản xuất	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>c. Trợ cấp gạo hộ nghèo chăm sóc bảo vệ rừng (15 kg gạo/khẩu/tháng)</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số lương thực hỗ trợ	Tấn		
	<i>d. Hỗ trợ hộ nghèo tạo đất sản xuất lương thực</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích rừng tận dụng tạo đất SXLT	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>e. Hỗ trợ hộ nghèo 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để trồng rừng sản xuất</i>			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Diện tích trồng rừng sản xuất	ha		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
<b>2.</b>	<b><i>Chính sách hỗ trợ sản xuất</i></b>			
	<i>a. Kinh phí rà soát quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi</i>			
	+ Số quy hoạch rà soát, lập mới	Quy hoạch		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	<i>b. Hỗ trợ đất sản xuất</i>			
	* Khai hoang tạo nương cố định			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		



+ Diện tích nương được khai hoang	ha		
+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
* Phục hóa			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
+ Diện tích nương được phục hóa	ha		
+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
* Tạo ruộng bậc thang			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
+ Diện tích ruộng bậc thang được tạo mới	ha		
+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
<i>c. Hỗ trợ 1 lần toàn bộ tiền mua giống, phân bón, chuyển đổi cây trồng</i>			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
<i>d. Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để phát triển sản xuất nông nghiệp</i>			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
+ Tổng số tiền hỗ trợ lãi xuất	Tr. đồng		
<i>e. Hỗ trợ thêm đối với hộ nghèo:</i>			
* Hỗ trợ chăn nuôi:			
Vay lãi suất bằng 0%			
+ Số hộ được vay vốn	Hộ		
+ Tổng số tiền đã cho vay	Tr. đồng		
* Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi hoặc tạo diện tích nuôi trồng thủy sản			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
* Mua giống để trồng cỏ để chăn nuôi gia súc			
+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		

	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Hỗ trợ 100% tiền vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
<b>3.</b>	<b>Hỗ trợ gạo hộ nghèo giáp biên giới</b>			
	- Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	- Tổng số LT hỗ trợ	Tấn		
<b>4.</b>	<b>Hỗ trợ, ưu đãi hoạt động khuyến nông, lâm, ngư</b>			
	* Hỗ trợ 100% giống, vật tư cho xây dựng mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư			
	+ Số hộ được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
	* Hỗ trợ lao động nghèo tham gia đào tạo, tập huấn			
	+ Số LĐ nghèo được hỗ trợ	Hộ		
	+ Tổng số tiền hỗ trợ	Tr. đồng		
4.1	Hỗ trợ mỗi huyện 100 triệu đồng/năm để xúc tiến thương mại	Tr. đồng		
<b>5.</b>	<b>Hỗ trợ xuất khẩu Lao động:</b>			
	<b>* Kết quả thực hiện</b>			
	- Hỗ trợ bồi dưỡng văn hóa			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Hỗ trợ đào tạo nghề			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		
	- Đào tạo ngoại ngữ			
	+ Số LĐ được hỗ trợ	LĐ		
	+ Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr. đồng		